

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 6-9-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm.

2. Ông Nguyễn Văn Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 6 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Quyền Tr - sinh năm 1994; địa chỉ: ấp C, xã PP, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh T - sinh năm 1988; địa chỉ: ấp Phụng Đức B, xã PP, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Tr trình bày: vào năm 2012, bà Cao Thị Quyền Tr và ông Huỳnh Minh T sau thời gian tìm hiểu, không ai ép buộc ai, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PP vào ngày 06/02/2014. Thời gian chung sống được hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình thường xuyên xung đột dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Bà Tr thì về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp C, xã PP, còn ông T thì vẫn sống chung với gia đình tại ấp Phụng Đức B, xã PP.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Tr yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà

được ly hôn với ông Huỳnh Minh T và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà Tr và ông T tạo ra một người con chung tên Huỳnh Cao Yến Th - sinh ngày 15/02/2014, hiện cháu Th đang sống chung với bà Tr. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi người con chung của ông bà và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Còn đối với bị đơn là ông T thì mặc dù nhiều lần đã được Tòa thông triệu tập hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: qua lời trình bày của bà Tr và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Tr với ông T đã có sự mâu thuẫn trầm trọng. Hơn nữa, nhiều lần Tòa mời ông T cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân của ông với bà Tr, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo qui định tại điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Xét thấy, hôn nhân của bà Tr với ông T là do ông bà tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng qui định của Luật hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống hạnh phúc thì giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà Tr cho rằng nguyên nhân gây bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, do bà Tr đã phát hiện ông T có người phụ nữ khác, bà Tr đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ đó, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân hơn một năm nay không hàn gắn được, trong thời gian sống ly thân, ông bà cũng không có trao đổi gì để hàn gắn gia đình, cuộc sống mỗi ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Còn ông T thì khi Tòa thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho

ông T, nhưng ông T vẫn không có ý kiến phản hồi gì về việc bà Tr đưa ra nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn để xin ly hôn, cho thấy ông T không có thiện chí hàn gắn mà chấp nhận yêu cầu của bà Tr. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 16/7/2019 thì bà Nguyễn Thị Lương là di ruột ông T đã xác định hiện tại ông bà đã không còn chung sống với nhau nữa. Từ đó, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Tr và ông T đã có sự mâu thuẫn xảy ra, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Tr là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, từ lúc ông bà sống ly thân bà Tr vẫn chăm sóc chu đáo cho cháu Th cháu cũng được đi học và phát triển tốt như bao trẻ khác. Vì vậy, việc bà Tr yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp, bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không đặt ra để xem xét. Còn việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là nghĩa vụ của người làm cha, làm mẹ được quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà Tr cho rằng bà và ông T không có tài sản và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Do đó, bà Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Từ các căn cứ trên, xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở pháp lý chấp nhận theo qui định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 71, 72, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, 35 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị Quyền Tr đối với ông Huỳnh Minh T.

Cụ thể tuyên:

Về hôn nhân: Cho bà Cao Thị Quyền Tr được ly hôn với ông Huỳnh Minh T. Ghi nhận việc bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà Cao Thị Quyền Tr được quyền trực tiếp nuôi người con chung của bà và ông Huỳnh Minh T là cháu Huỳnh Cao Yến Th - sinh ngày 15/02/2014. Bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Án phí sơ thẩm: là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Buộc bà Cao Thị Quyền Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm. Số tiền bà Tr đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004366 ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang tiền án phí.

Nguyên đơn (bà Tr) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án ngày 9/6/2019, bị đơn (ông T) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS CL;
- UBND xã PP;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng